

Bản án số: 105/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12-9-2025

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Duy Hùng;

2. Bà Đinh Thị Kim Phụng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: ông Trần Việt Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 121/2025/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2025, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2025, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp T, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: ấp Trại Ngang, xã G, tỉnh Đồng Tháp. (Xin vắng mặt)

2/ *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp T, xã P, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:*

Qua quá trình tìm hiểu chị và anh P có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2011, kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã G, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54/2011, quyển số 1 vào ngày 31/5/2011. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn, không có ruộng đất, vợ chồng đi bán vé số, anh P ghen tuông vô cớ và đánh chị; gần đây anh P nghĩ bán vé số đi thành phố Hồ Chí Minh làm, chị ở nhà đi bán vé số nuôi 03 người con. Ngày

25/5/2025 chị đã về nhà mẹ ruột sinh sống và ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm không còn, chị yêu cầu xin ly hôn với anh P.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 08/12/2011 hiện đang sống cùng với anh P; Nguyễn Như N1, sinh ngày 06/5/2016; Nguyễn Như Q, sinh ngày 19/3/2023, hiện Như N1 và Như Q đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Như N1 và Như Q; giao anh P nuôi dưỡng cháu Như N. Không ai cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Thanh P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến hay yêu cầu gì mặc dù toà án đã triệu tập hợp lệ.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Thanh P có nơi cư trú tại xã P, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đôi thoại tại toà án, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T xin ly hôn với anh P, yêu cầu về con chung, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Chị T và anh P kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã G, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54/2011, quyền số 1 vào ngày 31/5/2011 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị T cho rằng trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do anh P không chăm lo gia đình, ghen tuông vô cớ và đánh chị. Anh, chị ly thân từ 5/2025 đến nay, chị không còn tình cảm gì với anh P nên yêu cầu ly hôn với anh P.

Trong quá trình giải quyết, anh P đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng anh P không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải cho thấy anh P không còn tha thiết hàn gắn cuộc hôn nhân này.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh P đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã có thời gian ly thân với nhau nhưng đến nay vẫn không hàn gắn được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh P.

[3.2] Về con chung: Anh, chị có 03 con chung tên Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 08/12/2011 hiện đang sống cùng với anh P; Nguyễn Như N1, sinh ngày 06/5/2016; Nguyễn Như Q, sinh ngày 19/3/2023, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Như N1, Như Q; giao anh P nuôi dưỡng cháu Như N. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại cháu Như N1 và Như Q đang sống cùng với chị T; cháu Như N đang sống cùng anh P; các cháu do anh chị chăm sóc nuôi dưỡng tốt; Qua xác minh chị H có nghề nghiệp, thu nhập ổn định; trong quá trình giải quyết vụ án anh P cũng không có thể hiện ý kiến hay yêu cầu gì về con chung; Để đảm bảo điều kiện phát triển ổn định cho các cháu nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu Như N1 và Như Q cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Như N cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: **Tại đơn khởi kiện chị T có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án chị xin rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.**

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp cần thiết thì các đương sự được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. **Anh P không phải chịu án phí.**

[5]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, **227, 228, 238**, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP Ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên Nguyễn Như N1, sinh ngày 06/5/2016; Nguyễn Như Q, sinh ngày 19/3/2023; anh Nguyễn Thanh P tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 08/12/2011; Không ai cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết thì các đương sự được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0000619 ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. **Anh Nguyễn Thanh P không phải chịu án phí.**

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh DT;
- VKSND KV2;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu T1